

Bản án số: 08/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 15/03/2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tân

2. Ông Bùi Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX - ST ngày 01 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Xóm D, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Xóm D, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó một thời gian anh N thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè, không quan tâm cuộc sống vợ, con và kinh tế gia đình, do đó chị T bỏ về nhà ngoại và sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Sau đó anh N đã xin lỗi, và có nhờ họ hàng và chính quyền giải quyết, cam kết không tái phạm việc uống rượu và chửi mắng vợ con nữa. Nhưng sau một thời gian anh N vẫn không thay đổi được. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn N.

Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N có 01 con chung là Bùi Thị V, sinh ngày 01/11/2003, hiện đã trưởng thành có công việc và thu nhập tự nuôi sống bản thân, do đó không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng sau ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn N, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Văn N, tuy nhiên anh N không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Tại phiên tòa anh N thừa nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân với chị Bùi Thị T và có đăng ký kết hôn tại chính quyền xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra vài mâu thuẫn nhỏ nhưng theo anh chưa đến mức trầm trọng, nay chị T yêu cầu ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, do đó không muốn ly hôn và mong muốn đoàn tụ. Anh Bùi Văn N thừa nhận giữa anh và chị T có 01 con chung là Bùi Thị V, sinh ngày 01/11/2003, nay đã trưởng thành có công việc và thu nhập tự nuôi sống bản thân, do đó anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Bùi Văn N thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa, kiểm sát viên Bùi Thị Phượng phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều diễn ra theo đúng trình tự, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về con chung: Con chung Bùi Thị V, sinh ngày 01/11/2003 nay đã trưởng thành, các bên không có yêu cầu nên không đề cập. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Bùi Văn N có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm D, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, đến trước khi mở phiên toà, anh Bùi Văn N không hợp tác, Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn đã tiến hành các thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn trong các buổi làm việc theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn N là tự nguyện, hợp pháp, được UBND xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chị T và anh N sống tại xóm D, xã M và tại biên bản xác minh ngày 02/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã M đã xác nhận: Quá trình chung sống, chị T và anh N chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Con chung của chị T và anh N là Bùi Thị V, sinh ngày 01/11/2003, hiện đã trưởng thành có công việc và thu nhập tự nuôi sống bản thân, các bên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng sau ly hôn. Do đó HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5] Về ý kiến kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy những nội dung đề cập của kiểm sát viên là có căn cứ nên HĐXX đã xem xét trong quá trình nghị án.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn N.

2. Về con chung: Con chung Bùi Thị V, sinh ngày 01/11/2003, hiện đã trưởng thành có công việc và thu nhập tự nuôi sống bản thân, các bên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng, do đó HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002176 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, chị Thêu đã nộp đủ án phí nay không phải nộp thêm nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hoà Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Minh Giang